

BÁO CÁO

**Thẩm tra các dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ
họp thứ 9 (kỳ họp chuyên đề), HĐND tỉnh khóa XVIII**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, tại kỳ họp này Ban Kinh tế - Ngân sách được Thường trực HĐND tỉnh phân công chủ trì, phối hợp với các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra 13 dự thảo nghị quyết, gồm:

1. Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.
2. Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 đã giao tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022.
3. Nghị quyết ban hành quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.
4. Nghị quyết sửa đổi, bãi bỏ một số quy định tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh.
5. Nghị quyết Quy định chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Bình được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng trở lên.
6. Nghị quyết về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 (nguồn ngân sách địa phương).
7. Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022.
8. Nghị quyết về phương án giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
9. Nghị quyết phân bổ nguồn vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; kéo dài nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2022 sang năm 2023; điều chỉnh nhiệm vụ chi đã phân bổ năm 2022 tại Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 9/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình.

10. Nghị quyết về bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

11. Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

12. Nghị quyết thông qua danh mục dự án đầu tư có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Thủ tướng Chính phủ.

13. Nghị quyết thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La tỉnh Quảng Bình đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000.

Quá trình thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đã làm việc với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh liên quan đến việc soạn thảo dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở nội dung đã được thống nhất, tiếp thu điều chỉnh và hồ sơ trình của UBND tỉnh, kết quả thẩm tra như sau:

I. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 502/TTr-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết; căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành nghị quyết

Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2024 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 60/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019; sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Bảng giá đất tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020. Quá trình thực hiện đến nay, thị trường giá đất ở một số nơi đã có sự thay đổi so với Bảng giá các loại đất đã ban hành. Theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản liên quan, hệ số điều chỉnh giá đất phải được ban hành hàng năm làm cơ sở để áp dụng nghĩa vụ tài chính cho các trường hợp thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất,... Vì vậy, việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

Từ năm 2022 trở về trước, hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm được UBND tỉnh ban hành sau khi xin ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh theo quy định tại Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy

định về thu tiền sử dụng đất và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Tuy nhiên, ngày 08/02/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có Văn bản số 413/UBTVQH15-CTĐB về thẩm quyền của HĐND trong việc điều chỉnh bảng giá đất. Trong đó, quy định: "*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất*".

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là phù hợp theo hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Về nội dung hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023

Tại nội dung trình, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 giữ nguyên như năm 2022; hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 chỉ chênh lệch so với mức giá gốc của bảng giá các loại đất giai đoạn 2019-2024 đã ban hành đối với đất ở, đất thương mại dịch vụ tại một số địa bàn có điều kiện thuận lợi nhất định.

Qua xem xét, nghiên cứu nhận thấy: Năm 2022, huyện Quảng Ninh có hệ số điều chỉnh giá đất ở tăng cao đột biến so với các địa phương khác (hệ số K tăng từ 1,5-2,5 lần). Tuy nhiên theo báo cáo, đây là địa phương có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở vượt hạn mức rất nhiều, đặc biệt là ở các địa bàn xã Hải Ninh, Võ Ninh, Lương Ninh, Gia Ninh, Vĩnh Ninh và thị trấn Quán Hàu. Việc điều chỉnh tăng hệ số giá đất ở đây nhằm góp phần hạn chế chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở một cách ồ ạt, đẩy giá tạo thị trường "sốt ảo", đảm bảo công bằng, hài hòa giữa lợi ích của người dân với lợi ích nhà nước, tránh thất thu ngân sách. Tại một số địa bàn khác trong huyện, hệ thống cơ sở hạ tầng cơ bản được đầu tư đồng bộ, giao thông thuận lợi nên nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, đầu giá đất cũng tăng rất nhiều so với các năm trước.

Hiện nay, chưa có phản ánh bất cập về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022, tình hình thị trường bất động sản và giá đất trên địa bàn tỉnh trong thời gian đầu năm 2023 cơ bản ổn định. Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 được UBND tỉnh xây dựng trên cơ sở có sự điều tra, khảo sát giá đất thực tế trên thị trường và lấy ý kiến từ các địa phương trong tỉnh; có sự thống nhất của các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã. Phương án xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 như đề nghị của UBND tỉnh là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất như đề nghị của UBND tỉnh, đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo việc xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất của những năm tiếp theo phù hợp với giá thị trường, sát với tình hình thực tế tại từng địa bàn cụ thể; xem xét, rà soát, kiểm tra đối chứng nhằm đảm bảo điều kiện, hoàn thiện hồ sơ thủ tục để trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm

trước làm cơ sở áp dụng cho năm sau, tạo thuận lợi trong thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

II. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 đã giao tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 477/TTr-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 đã giao tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 về dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022; căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, các quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 10/12/2021, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 40/NQ-HĐND về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó: có tổng số vốn vay lại năm 2022 là 422 tỷ đồng (bao gồm: vay để trả nợ gốc 45,3 tỷ đồng và vay để thực hiện các dự án theo hiệp định đã ký 376,7 tỷ đồng).

Trong quá trình triển khai, các dự án sử dụng vốn vay lại có tỷ lệ giải ngân thấp, không sử dụng hết số vốn được giao theo dự toán nên UBND tỉnh đã báo cáo với bộ, ngành trung ương về việc đề xuất hủy dự toán nguồn vốn nước ngoài năm 2022 nguồn vay lại với số tiền 158,698 tỷ đồng. Việc đề xuất giảm dự toán vốn vay lại năm 2022 của tỉnh Quảng Bình đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 82/2023/QH15 ngày 09/01/2023, thống nhất của Chính phủ tại Nghị quyết số 142/NQ-CP ngày 04/11/2022 và đã được Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 74/QĐ-BTC ngày 19/01/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 của các địa phương. Tại các văn bản trên, tỉnh Quảng Bình được điều chỉnh giảm dự toán vốn vay lại năm 2022 với số tiền: 158,7 tỷ đồng.

Theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 52 Luật ngân sách nhà nước năm 2015: “Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách nhà nước và nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán điều chỉnh tổng thể ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”; cũng theo khoản 5 Điều 30 của Luật quy định: Hội đồng nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 đã giao tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch vốn vay lại năm 2022 đã giao tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, số tiền: 158,7 tỷ đồng là phù hợp với Nghị

quyết, Quyết định của cấp trên. Như vậy, sau khi điều chỉnh, tổng nguồn vốn vay lại tại dự toán năm 2022 còn 263,3 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua như đề nghị của UBND tỉnh đồng thời có thêm ý kiến như sau:

Việc giảm dự toán số vốn vay lại nói trên sẽ giảm tổng dự toán thu, chi ngân sách năm 2022, do đó, đề nghị UBND tỉnh rà soát đề "điều chỉnh tổng thể ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân" xem xét, quyết định theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 52 Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

III. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 481/TTr-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh về đề nghị thông qua Nghị quyết Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; căn cứ các quy định liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết

Tại điểm d khoản 1 điều 40 của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ quy định: UBND cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: về "Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này".

Để sớm cụ thể hóa các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng nguồn kinh phí được giao tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành; kịp thời triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, thực hiện có hiệu quả mục tiêu các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã đề ra; việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết, đúng thẩm quyền theo quy định.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Quá trình thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đã đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung về nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục và đã được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về quy định nội dung hỗ trợ, mẫu

hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh như đề nghị của UBND tỉnh.

IV. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bãi bỏ một số quy định tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 326/TTr-UBND ngày 07/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bãi bỏ một số quy định tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh; căn cứ Luật Phí và lệ phí, các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP Ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật phí và lệ phí: “*Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí. Trường hợp các khoản phí có tính chất tương tự, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định mức tỷ lệ để lại chung áp dụng thống nhất. Trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi; số tiền phí được để lại không đủ đảm bảo chi phí cho hoạt động của tổ chức thu phí hoặc tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp*”.

Theo quy định của Bộ Tài chính tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022: *Kể từ ngày 05/02/2023, mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư này. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại địa phương tại kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gần nhất.*

Để có nguồn kinh phí thực hiện được tự chủ tài chính 100% chi thường xuyên của Trung tâm Quản lý hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế theo lộ trình tự chủ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện thêm nhiệm vụ mới trong khi nguồn thu phí sụt giảm, việc điều chỉnh tăng tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào các cửa khẩu của tỉnh Quảng Bình là cần thiết; nhằm thực hiện các quy định mới của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế thì việc bãi bỏ các khoản thu như: Lệ phí đăng ký cư trú; mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết.

Trên cơ sở tình hình thực tế và quy định của pháp luật, việc UBND tỉnh trình Nghị quyết sửa đổi, bãi bỏ một số quy định tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-

HĐND ngày 24/10/2016 và Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết có nội dung chính, trình HĐND tỉnh quyết định: (1) Sửa đổi tỷ lệ phần trăm để lại đơn vị thu đối với phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào các cửa khẩu của tỉnh Quảng Bình (quy định tại khoản 2 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của HĐND tỉnh quy định mức thu các loại phí, lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí và bãi bỏ Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình). Theo đó, tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu được tăng từ 10% lên 15% số phí thu được cho đơn vị thu để phục vụ cho công tác thu phí và duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh bến bãi khu vực cửa khẩu; số còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước; (2) Bãi bỏ Mục I (lệ phí đăng ký cư trú) phụ lục số 07 ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND; (3) Bãi bỏ Mục I Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Qua xem xét nội dung tờ trình và dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất theo đề nghị của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết. Đồng thời có thêm ý kiến sau:

Do dự toán ngân sách năm 2023 đã giao cho Trung tâm Quản lý hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế từ đầu năm. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh sau khi cân đối thu, chi nếu hụt thu thì bù đắp bằng nguồn dự phòng hụt thu đã để lại chưa phân bổ trong dự toán đầu năm để không điều chỉnh các Nghị quyết thu, chi của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong trường hợp nguồn thu phí tăng cao thì có thể xem xét điều chỉnh tỷ lệ để lại đơn vị thu phí phù hợp với tình hình thực tế mỗi giai đoạn.

V. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ hằng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Bình được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên.

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 353/TTr-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ hằng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Bình được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 27/5/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quy định số 16-QĐ/TU về chế độ trợ cấp hằng tháng đối với đảng viên được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Bình không được hưởng chế độ hưu trí, chế độ trợ cấp mất sức lao động, chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, chế độ trợ cấp xã hội (trừ các đồng chí đang được hưởng

chế độ trợ cấp người cao tuổi và trợ cấp người khuyết tật). Đến ngày 11/11/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Thông báo số 338-TB/TU về việc bổ sung mức hưởng chênh lệch trợ cấp của đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quy định số 16-QĐ/TU. Việc thực hiện chủ trương trợ cấp hàng tháng nói trên trong thời gian qua thể hiện sự quan tâm, ghi nhận của Đảng, Nhà nước đối với đảng viên được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên trong sự nghiệp hoạt động cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, khích lệ đội ngũ đảng viên tiếp tục công hiến, đồng thời góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Theo Báo cáo của UBND tỉnh, hiện nay toàn tỉnh có 1.430 đảng viên thuộc đối tượng được hỗ trợ, kinh phí thực hiện trong năm 2022 là 8,8 tỷ đồng, do ngân sách tỉnh đảm bảo và được cân đối trong dự toán chi ngân sách các huyện, thị xã, thành phố hàng năm. Vì vậy, việc tiếp tục thực hiện Quy định số 16-QĐ/TU cần phải thể chế hóa theo quy định của pháp luật. Tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như sau:

“h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”;

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Bình được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Các nội dung của dự thảo Nghị quyết quy định về đối tượng, thời gian và mức hỗ trợ đã kế thừa Quy định số 16-QĐ/TU ngày 27/5/2014 và Thông báo số 338-TB/TU ngày 11/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về chế độ trợ cấp hàng tháng đối với đảng viên được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên thuộc Đảng bộ tỉnh Quảng Bình. Dự thảo Nghị quyết đã thực hiện theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo hoàn chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách. Do đó, Ban Kinh tế - Ngân sách thông nhất trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh.

VI. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 (nguồn vốn ngân sách địa phương)

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 340/TTr-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế

hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 (nguồn vốn ngân sách địa phương); căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, các quy định liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý), do các nguyên nhân khách quan và chủ quan, đến ngày 31 tháng 01 năm 2023, nhiều dự án không giải ngân hết được số vốn đã bố trí. Để tránh lãng phí nguồn vốn, trên cơ sở quy định của pháp luật, cần thiết phải xem xét, rà soát danh mục các dự án đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023.

Theo quy định Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công: “Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau”.

Xét tình hình thực tiễn và đối chiếu với quy định nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 (nguồn vốn ngân sách địa phương) là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Tại Tờ trình số 340/TTr-UBND ngày 09/3/2023, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 (nguồn vốn ngân sách địa phương) đối với 547 dự án, với tổng số vốn là: 804.650,43 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý: Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 đối với 137 dự án với số vốn 642.480,331 triệu đồng.

- Nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý năm 2022 sang năm 2023: Đề xuất kéo dài 410 dự án với số vốn 162.170,099 triệu đồng (ngân sách cấp huyện: 188 dự án với số vốn 87.741,162 triệu đồng; ngân sách cấp xã: 222 dự án với số vốn 74.428,937 triệu đồng).

Qua rà soát hồ sơ dự án, kết hợp xem xét thực tế và làm việc với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh và một số chủ đầu tư, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, các dự án đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023 đều thuộc các trường hợp được cho phép theo quy định tại điểm b, c, đ, Khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, cụ thể:

“b) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;

c) Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau;

đ) Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”.

Nhìn chung, phần lớn các dự án đề xuất kéo dài thuộc trường hợp “nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”. Cụ thể, các nguyên nhân khách quan là: Một số dự án gặp nhiều khó khăn trong công tác thi công do vướng mắc giải phóng mặt bằng, thời tiết, địa hình bất lợi; Thủ tục pháp lý liên quan đến triển khai dự án còn nhiều vướng mắc (về đất đai, về chuyển mục đích sử dụng rừng,...), thời gian thẩm định, trình kéo dài, đặc biệt là các dự án phải trình ra trung ương; Một số dự án triển khai trên nhiều địa bàn nhiều huyện, thị xã, thành phố, dẫn đến tăng thủ tục về mặt hành chính (phải làm thủ tục với từng đơn vị hành chính);...

Do vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 340/TTr-UBND ngày 09/3/2023, đồng thời, có thêm một số ý kiến như sau:

- Về số vốn đề xuất kéo dài từ năm 2022 qua năm 2023: Tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh cho phép kéo dài đối với 547 dự án với tổng số vốn 804.650,43 triệu đồng (Cấp tỉnh 137 dự án với số vốn 642.480,331 triệu đồng; Cấp huyện, cấp xã 410 dự án với số vốn 162.170,099 triệu đồng). Trong đó: ngân sách cấp tỉnh là 642.480,331 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 51,5% so với tổng số vốn kế hoạch đầu tư công ngân sách cấp tỉnh năm 2022 đã được HĐND tỉnh thông qua¹. Qua đó cho thấy việc giải ngân vốn cấp tỉnh thực sự khó khăn, gây lãng phí lớn về nguồn vốn. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt hơn nữa trong năm 2023 để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, khơi thông nguồn vốn, để nguồn vốn đầu tư công thực sự tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Về nguyên nhân kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023: Ngoài các nguyên nhân khách quan nêu trên, phải nhìn nhận thẳng thắn là còn những nguyên nhân chủ quan dẫn đến phải kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 sang năm 2023. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan rút kinh nghiệm. Cụ thể một số nguyên nhân chủ quan như sau:

+ Việc phân bổ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công của tỉnh năm 2022 còn chậm, phương án điều chỉnh nhiều lần, cụ thể: phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn 04 lần, tại các thời điểm tháng 12/2021, 5/2022, 9/2022, 12/2022². Việc phân bổ

¹ Số vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh quản lý đã được HĐND tỉnh thông qua: 1.248.240 triệu đồng

² Nghị quyết 95/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

vốn chuẩn bị đầu tư hoặc khởi công mới trong năm 2022 cho một số dự án còn chưa thực sự phù hợp với tính chất từng dự án, dẫn đến nhiều dự án không giải ngân được số vốn nào hoặc giải ngân được rất ít.

+ Đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án chưa được khảo sát kỹ lưỡng, dẫn đến khi triển khai thực hiện chủ trương phải điều chỉnh nhiều lần, có dự án thay đổi tên dự án và thay đổi hoàn toàn nội dung đầu tư³. Dẫn đến phải thêm thủ tục, thời gian điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án,...

+ Sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư, thủ tục về thẩm định, phê duyệt dự án; thủ tục liên quan đất, rừng, môi trường ... đến khi đấu thầu lựa chọn đơn vị thi công kéo dài (theo thống kê là 7 - 9 tháng, có dự án kéo dài đến 01 năm⁴). Việc thời gian thực hiện các thủ tục kéo dài có trách nhiệm của các cơ quan thẩm định, nhưng đồng thời, cũng có trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn liên quan đến chất lượng hồ sơ trình thẩm định chưa đảm bảo.

+ Việc áp dụng các quy định về phòng cháy chữa cháy vào các công trình, dự án đầu tư công còn vướng mắc: Một số dự án phải thẩm định nhiều lần; một số dự án phải điều chỉnh thiết kế dẫn đến tăng tổng mức đầu tư (nhưng không có nguồn vốn để bố trí); một số dự án hoàn thành nhưng không thể nghiệm thu để đưa vào sử dụng do chưa đảm bảo yêu cầu thẩm định về phương án phòng cháy chữa cháy;... Những vướng mắc này dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện các thủ tục, không thể giải ngân hết số vốn được giao.

+ Nhiều dự án gặp vướng mắc về giải phóng mặt bằng, tuy nhiên, một nguyên nhân chủ quan là việc phối hợp giữa chủ đầu tư (nhất là các sở, ban, ngành) với địa phương trong giải phóng mặt bằng còn chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên. Một số chủ đầu tư có ít kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nên việc triển khai các thủ tục có liên quan còn lúng túng.

- Năm 2022, có một số dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và cấp có thẩm quyền bố trí vốn từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2020. Tuy nhiên, đến nay số vốn này vẫn chưa được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công để đủ cơ sở trình HĐND tỉnh xem xét, kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Luật Ngân sách sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

³ (i) Dự án Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu Quân sự (Kéo dài 4.800 triệu đồng, đổi tên từ Dự án thao trường bắn biên Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình (hạng mục: Đai tham quan chỉ huy bắn đạn thật và hạ tầng khu hậu phương)); (ii) Dự án Doanh trại Trung đội công binh và đội 589/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình (Kéo dài 3.780 triệu đồng, đổi tên từ Dự án Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao và điều lệnh/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình); (iii) Dự án Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình (Kéo dài 2.400 triệu đồng, đổi tên từ Dự án Nhà thi đấu đa năng và khu vui chơi trong nhà thuộc Nhà Thiếu nhi Quảng Bình)

⁴ Như: Dự án Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Theo quy định của Luật Đầu tư công, thời gian thực hiện và giải ngân vốn của các dự án được cho phép kéo dài từ năm 2022 đến năm 2023 là đến hết ngày 31/12/2023. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư cam kết giải ngân hết số vốn đề xuất kéo dài theo đúng thời gian quy định; ban hành quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án phù hợp theo quy định (nếu có). Trường hợp chủ đầu tư không giải ngân hết số vốn được phép kéo dài sẽ hủy dự toán, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm thu xếp nguồn vốn kéo dài không giải ngân hết để hoàn thành công trình theo đúng mục tiêu đề ra. Chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh, UBND tỉnh về số vốn kéo dài không giải ngân hết theo quy định.

VII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 330/TTr-UBND ngày 8/3/2023 của UBND tỉnh về đề nghị thông qua thông qua Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022; căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, các quy định liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại Tờ trình số 330/TTr-UBND ngày 8/3/2023, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư 08 dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022. Cụ thể các dự án: (1) Xử lý khẩn cấp khắc phục Đê bao vùng Lũng Tréo; (2) Xử lý khẩn cấp khắc phục Đê bao vùng II tả Kiến Giang; (3) Xử lý khẩn cấp khắc phục Đê bao thượng Mỹ Trung; (4) Xử lý khẩn cấp khắc phục Kè Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn; (5) Xử lý khẩn cấp, khắc phục kè tả sông Ròn đoạn từ thôn Hải Đông đến thôn Phú Xuân thuộc xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch; (6) Xử lý khẩn cấp khắc phục Đập Đồng Thờ; (7) Xử lý khẩn cấp khắc phục Hồ Bộ Đội; (8) Xử lý khẩn cấp khắc phục các công trình cấp nước sạch trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

Qua xem xét, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, việc đầu tư thực hiện các dự án trên sẽ góp phần khắc phục hư hại một số công trình đê, đập kè, hồ, công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh do thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 gây ra. Qua đó, sẽ góp phần nâng cao năng lực phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất cao về sự cần thiết đầu tư các dự án.

Theo quy định tại khoản 7, điều 17 của Luật Đầu tư công năm 2019: *Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.*

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư

các dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022 là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Nội dung đề xuất chủ trương đầu tư các dự án bao gồm: Mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư; địa điểm và thời gian thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của Luật đầu tư công năm 2019. Nguồn vốn thực hiện các dự án được đề xuất là nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022, đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 về hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 (tổng số vốn hỗ trợ là 62.346 triệu đồng); số vốn dự kiến bố trí cho tổng mức đầu tư của 08 dự án không vượt qua số vốn do ngân sách trung ương hỗ trợ. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư đối với 08 dự án nêu trên, đồng thời có thêm ý kiến sau:

Do đặc thù của nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022 nên 08 dự án trình HĐND tỉnh phê duyệt chỉ được phép giải ngân trong năm 2023. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương đẩy nhanh việc hoàn thiện các thủ tục, sớm triển khai các dự án để đảm bảo giải ngân hết số vốn trong thời hạn được phê duyệt; Chịu trách nhiệm trước HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong trường hợp không giải ngân hết số vốn được hỗ trợ trong thời hạn theo quy định.

VIII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thẩm tra đối với kế hoạch vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 341/TTr-UBND ngày 9/3/2023 của UBND tỉnh; căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, các quy định liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023, Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới số vốn: 5,501 tỷ đồng. Việc sớm phân bổ nguồn vốn trên là rất cần thiết, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 83, Luật Đầu tư công 2019, HĐND tỉnh có thẩm quyền: “*Xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.*”

Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Tổng số vốn bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là: 5,501 tỷ đồng. Phương án phân bổ vốn như đề nghị của UBND tỉnh đã tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022. Cụ thể như sau:

- Trích 10% thực hiện chương trình, đề án quy định tại Điều 5, Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND: Số tiền: 5,5 tỷ đồng. Số vốn còn lại để phân bổ là (5,501 - 0,55 = 49,51 tỷ đồng)

- Phân bổ 49,51 tỷ đồng theo định mức quy định tại Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND:

- + Xã đạt dưới 15 tiêu chí hệ số 5,0;
- + Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí hệ số 3,0;
- + Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hệ số 1,0 (trừ các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển).

Theo đó, tổng số điểm các xã là 189 điểm, kế hoạch vốn bổ sung giai đoạn 2021-2025 là 49,510 tỷ đồng, bình quân số vốn/1 điểm là 262 triệu đồng/1 điểm.

Do vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới về như đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 341/TTr-UBND ngày 9/3/2023.

IX. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết phân bổ nguồn vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; kéo dài nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2022 sang năm 2023; điều chỉnh nhiệm vụ chi đã phân bổ năm 2022 tại Nghị quyết 86/NQ-HĐND ngày 9/9/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra về phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

mới năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và kéo dài vốn đối ứng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 sang năm 2023. Sau khi nghiên cứu, xem xét Tờ trình, dự thảo Nghị quyết của UBND tỉnh; căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1.1. Đối với nội dung phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023

Tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 quy định: "*Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, trùng lặp với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*".

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 là phù hợp, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối với nội dung kéo dài nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 sang năm 2023

Tại Khoản 5, Điều 2, Nghị quyết số 69/2022/QH15: "*Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư và sự nghiệp của ngân sách trung ương trong nước năm 2022 (bao gồm cả kế hoạch năm 2021 đã được kéo dài sang năm 2022) của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 chưa giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023*". Vì vậy, nguồn sự nghiệp thuộc ngân sách trung ương đã được phép kéo dài thời gian để thực hiện không phải trình HĐND tỉnh thông qua.

Tuy nhiên, tại Nghị quyết 69/2022/QH15 chỉ cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư và sự nghiệp của ngân sách trung ương trong nước năm 2022 sang năm 2023 mà không đề cập đến phần đối ứng ngân sách địa phương. Do đó, để đảm bảo sự thống nhất trong việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; đảm bảo việc lồng ghép có hiệu quả giữa vốn ngân sách TW và vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư và sự nghiệp thuộc vốn đối ứng ngân sách tỉnh năm 2022 sang năm 2023 là cần thiết, đồng bộ với các nguồn vốn ngân sách trung ương.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh các nội dung sau:

(1) Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 với tổng số tiền: 62,112 tỷ đồng, bao gồm:

+ Vốn ngân sách trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1506/QĐ-TTg là: 31,556 tỷ đồng.

+ Vốn đối ứng ngân sách địa phương: đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 là: 30,556 tỷ đồng.

Qua xem xét thấy rằng: việc phân bổ cơ bản bám sát hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đã có sự trao đổi thống nhất của các sở, ngành, địa phương liên quan.

Để kịp thời triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, Ban Kinh tế- Ngân sách cơ bản thống nhất theo đề nghị của UBND tỉnh đồng thời có thêm một số ý kiến như sau:

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan thường trực Chương trình MTQG hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư chủ động thực hiện các nguồn vốn phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của từng nội dung, chương trình, dự án trên cùng một địa bàn; căn cứ tình hình thực tế của từng địa phương để xác định nội dung lồng ghép phù hợp với đặc điểm của mỗi chương trình, dự án nhằm đạt mục tiêu đề ra.

- Hiện tại, Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; trong đó chưa có quy định về tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn sự nghiệp, do đó việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp nói trên chủ yếu dựa vào hướng dẫn của các Bộ, ngành TW và tình hình thực tế của địa phương. Vì vậy, đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh tiếp tục nghiên cứu trình HĐND tỉnh về phương án, tiêu chí định mức phân bổ nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình này làm cơ sở để phân bổ vốn cho các năm tiếp theo đảm bảo công khai, minh bạch, hợp lý và hiệu quả.

- Cần xem xét phân bổ vốn hỗ trợ triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) cho các huyện, xã để tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai thực hiện chương trình này.

(2) Kéo dài vốn đối ứng nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách tỉnh năm 2022 chưa giải ngân hết chuyển sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với số tiền 11,823 tỷ đồng.

Nguồn vốn này được HĐND tỉnh phân bổ tại các Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 và Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 26/7/2022, do chưa giải ngân hết trong năm 2022 nên đề nghị kéo dài thực hiện và giải ngân đến 31 tháng 12 năm 2023, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua để đồng nhất các nguồn vốn của trung ương và địa phương thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu đã đề ra.

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt hơn nữa trong năm 2023 để tháo gỡ vướng mắc, tạo điều kiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao; chỉ đạo các chủ chương trình, dự án cam kết giải ngân hết số vốn đề xuất kéo dài và vốn bố trí mới theo đúng thời gian quy định. Đến hết năm thực hiện dự toán, trường hợp chủ chương trình, dự án không giải ngân hết số vốn kéo dài và vốn phân bổ thì sẽ hủy dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với các nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương (nếu có trong thời gian tới) phân bổ ngay từ khi có thông báo vốn của bộ, ngành để chủ động thực hiện.

X. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 421/TTr-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; căn cứ Luật Đất đai năm 2013, các quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Về cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, đối với các dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng hoặc thu hồi đất mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về việc bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất là phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Quá trình thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan soạn thảo nghị quyết rà soát kiểm tra hồ sơ, kết hợp khảo sát thực tế hiện trường tại một số dự án; đã thống nhất loại bớt một số dự án chưa đảm bảo cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

Tại nội dung trình lần này, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung, điều chỉnh 32 dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn, chủ yếu là các dự án đầu tư công, các dự án phục vụ giải phóng mặt bằng Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông đoạn qua tỉnh Quảng Bình. Cụ thể:

- Bổ sung mới 18 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 10 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng

lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 74,12 ha, trong đó: 6,32 ha đất trồng lúa; 0,68 ha đất rừng phòng hộ và 67,12 ha các loại đất khác.

- Điều chỉnh 14 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 09 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 31,70 ha, bao gồm: 5,01 ha đất trồng lúa; 1,90 ha đất rừng phòng hộ và 24,79 ha các loại đất khác.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình, đồng thời có thêm ý kiến sau:

- Đối với Dự án Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân (ở số thứ tự 05 Mục I) với diện tích 1,97 ha trong đó có 0,68 ha rừng phòng hộ. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư dự án xem xét, nghiên cứu phương án khảo sát thiết kế, thi công nhằm hạn chế tác động ảnh hưởng đến phần diện tích rừng ngập mặn phòng hộ tại thôn Đồng Tư, xã Hiền Ninh.

- Đối với các dự án tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện xác định chính xác số liệu kiểm đếm để đầu tư dự án phù hợp, sát đúng với nhu cầu đất ở phục vụ tái định cư, hạn chế tình trạng lợi dụng dự án tái định cư để tạo thêm quỹ đất ở.

- Trong số 14 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua nay đề nghị điều chỉnh, có 08 dự án thuộc địa bàn huyện Bố Trạch, nội dung đề xuất điều chỉnh chủ yếu là tăng thêm diện tích để đảm bảo diện tích đất ở và hạ tầng phục vụ tái định cư sau khi rà soát, kiểm đếm. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND huyện Bố Trạch phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan sớm thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai đối với các dự án Khu tái định cư điều chỉnh, phục vụ kịp thời công tác GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông.

XI. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 482/TTr-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; căn cứ Luật Lâm nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách đã chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế thẩm tra và có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại Điều 20, Luật Lâm nghiệp 2017 (có hiệu lực từ 01/01/2019), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ dưới 20 ha, rừng sản xuất dưới 50 ha. Do đó, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là phù hợp với quy định của pháp

luật và nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về nội dung trình dự thảo Nghị quyết

Tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình cho 15 công trình, dự án với tổng diện tích rừng đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng là 575.578,9 m², gồm: 84.754,0 m² rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất và 490.750,9 m² rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng. Các diện tích rừng cần chuyển đổi nói trên chủ yếu thuộc đối tượng rừng sản xuất là rừng trồng.

Quá trình thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đã kiểm tra hồ sơ kết hợp khảo sát thực tế tại hiện trường một số dự án. Qua kiểm tra, rà soát thấy rằng: các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại dự thảo Nghị quyết nói trên đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định. Địa điểm thực hiện dự án phù hợp với kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch liên quan, như: Quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung đô thị...; đảm bảo các yêu cầu về kinh tế - xã hội, môi trường và quốc phòng, an ninh.

Vì vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất theo đề nghị của UBND tỉnh, đồng thời có thêm ý kiến như sau:

- Dự án Trang trại trồng cây xanh sinh thái xen canh vùng nguyên liệu của Công ty TNHH Thương mại Lê Dũng Linh (Khoảnh 1 - NTK, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch) (*tại Phụ lục 01 kèm theo Tờ trình*) với tổng diện tích 77.795,1m². Theo báo cáo, tổng diện tích đất thực hiện dự án không thuộc quy hoạch 3 loại rừng; trong đó, diện tích có rừng theo hồ sơ là 67.377,3 m². Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra thực tế, trong phạm vi dự án hoàn toàn không có cây rừng, toàn bộ mặt bằng đã được san lấp. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng xem xét, xử lý việc triển khai thực hiện dự án khi chưa hoàn thành thủ tục chuyển đổi MĐSDR theo đúng quy định.

- Đối với dự án Khu đô thị Bảo Ninh 8 tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (*tại Phụ lục 04 kèm theo Tờ trình*) nhằm mục đích xây dựng khu dân cư đô thị mới văn minh và hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội... Tuy nhiên, trong khu vực dự án, về phía gần sát bờ biển có một dải rừng phi lao lâu năm có chức năng phòng hộ chắn cát và điều hòa môi trường rất tốt. Vì vậy, trong quá trình thiết kế triển khai thực hiện dự án cần xem xét, nghiên cứu phương án giữ lại dải cây phi lao này để vừa tạo cảnh quan bóng mát, vừa đáp ứng yêu cầu phòng hộ sinh thái, nâng cao chất lượng môi trường trong khu vực dự án.

- Đối với dự án Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Hải Phú, huyện Bố Trạch (*tại Phụ lục 02 kèm theo Tờ trình*) có địa điểm gần đường Quốc lộ 1A và khu dân cư thôn Lý Hòa. Vì vậy, trong quá trình thực hiện cần tăng cường công tác giám sát, quản lý quá trình khai thác để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

Riêng đối với Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình (*tại Phụ lục 11 kèm theo Tờ trình*) với diện tích đề nghị chuyển MĐSDR là 29,92923 ha thuộc đối tượng rừng trồng sản xuất đã đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng.

Ban Kinh tế- Ngân sách thấy rằng: Đây là dự án động lực của tỉnh, với tổng vốn đầu tư 2.197 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn chủ yếu từ Ngân sách Trung ương; cần thiết phải đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, tiến độ giải ngân để tranh thủ nguồn lực từ TW, sớm hoàn thành dự án phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, các thông tin liên quan đến việc xác định nguồn gốc rừng tại Tờ trình số 482/TTr-UBND ngày 22/03/2023 của UBND tỉnh và Văn bản số 7739/BNN-TCLN ngày 17/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có sự sai khác đáng kể (Tờ trình của UBND tỉnh cho rằng: trong số diện tích 29,49448 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng có: 3,14228 ha có nguồn gốc là rừng phòng hộ và 23,36946 ha có nguồn gốc từ rừng sản xuất; trong khi đó tại Văn bản số 7739/BNN-TCLN ngày 17/11/2022 cho rằng: diện tích 29,49448 ha rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng (theo tờ trình số 572/TTr-UBND ngày 13/4/2022 và hồ sơ dự án kèm theo) là diện tích đất trồng cây lâm nghiệp từ trước đến nay không thuộc quy hoạch 3 loại rừng.

Việc xác định nguồn gốc rừng là cơ sở, là căn cứ quan trọng để xác định đối tượng rừng cần chuyển đổi MĐSDR; từ đó, xác định thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển đổi MĐSDR theo quy định tại Điều 20, Luật Lâm nghiệp. Quá trình thẩm tra, Ban Kinh tế Ngân sách đã đề nghị UBND tỉnh giải trình rõ một số nội dung liên quan đề xuất phê duyệt chủ trương chuyển đổi MĐSDR đối với dự án này. Tại Văn bản giải trình số 501/UBND-KT ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh khẳng định phần diện tích 3,14228 ha có nguồn gốc là rừng phòng hộ và 23,36946 ha có nguồn gốc từ rừng sản xuất trong số diện tích 29,49448 ha thuộc đối tượng phải chuyển đổi MĐSDR theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ. Như vậy, cùng với diện tích UBND tỉnh đề xuất chuyển đổi MĐSDR nói trên thì tổng diện tích đất rừng có nguồn gốc là rừng phòng hộ và rừng sản xuất cần phải chuyển đổi MĐSDR của dự án này là 56,44097 ha. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình làm rõ về số liệu, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển đổi MĐSDR của dự án để HĐND tỉnh xem xét.

XII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Thủ tướng Chính phủ

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 432/TTr-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục công trình, dự án đầu tư có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Thủ tướng Chính phủ; căn cứ Luật Lâm nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp; điểm b, mục 3, khoản 2, và Khoản 5 Điều 1 Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp thì việc chuyển đổi MĐSDR tự nhiên thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Nhằm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý về đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 06 công trình, dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu (giao thông, thủy lợi) dự án tạo nguồn điện theo điểm b, mục 3, khoản 2, Điều 1 Nghị định 83/2020/NĐ-CP. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết là cần thiết, làm cơ sở để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển rừng tự nhiên sang mục đích sử dụng khác.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục 06 dự án với tổng diện tích rừng có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng là: 110,03886 ha. Trong đó:

- Diện tích rừng có trong quy hoạch 3 loại rừng được phê duyệt tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 về việc điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là: 91,55086 ha, gồm:

+ Rừng tự nhiên thuộc quy hoạch phòng hộ: 8,10179 ha.

+ Rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng sản xuất: 82,66265 ha.

+ Rừng trồng thuộc quy hoạch phòng hộ: 0,48662 ha.

+ Rừng trồng thuộc quy hoạch sản xuất: 0,2998 ha.

- Diện tích rừng tự nhiên ngoài quy hoạch 3 loại rừng có nguồn gốc từ rừng sản xuất là: 18,488 ha.

Qua xem xét, Ban Kinh tế - Ngân sách thấy rằng: Các dự án đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng nói trên đều đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; trong đó có 5 dự án đầu tư công đã được phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, 01 dự án của nhà đầu tư đã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu năm 2007. Việc thông qua danh mục dự án đầu tư có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên hiện nay chưa có pháp lý cụ thể về thẩm quyền của HĐND tỉnh nhưng để đáp ứng yêu cầu thủ tục thẩm định, phê duyệt theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và đề nghị của UBND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua như đề nghị của UBND tỉnh.

Đồng thời, đề nghị sửa lại Điều 2 tại dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình của UBND tỉnh như sau:

“Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy nhân dân dân tỉnh:

- Khẩn trương triển khai hoàn thiện các bước thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương chuyển đổi MĐSDR làm cơ sở để thực hiện các dự án đảm bảo tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo đúng quy định của pháp luật.

- Quản lý chặt chẽ các diện tích rừng trong khu vực Dự án đến khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển đổi MĐSDR; đảm bảo giữ nguyên hiện trạng rừng, chỉ được tác động đối với diện tích rừng nói trên khi đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển đổi MĐSDR và hoàn thiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chuyển đổi MĐSDR đối với 06 dự án trên”.

XIII. Thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La tỉnh Quảng Bình đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 444/TTr-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La tỉnh Quảng Bình đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000; căn cứ Luật Xây dựng, các quy định pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 851/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2012. Qua hơn 10 năm thực hiện đã bộc lộ một số bất cập, như: một số khu vực quy hoạch bị chồng lấn với đất quốc phòng, chồng lấn quy hoạch giao thông,...; thiếu các quy hoạch khu tái định cư, khu bố trí cho dịch vụ logistic; chức năng sử dụng đất của một số khu vực không còn phù hợp, thiếu tính khả thi,.. Đồng thời, việc điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo các quy định mới của nhà nước và quan điểm, chủ trương của Đảng về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển; phù hợp, tạo sự đồng bộ, khớp nối với các quy hoạch liên quan (quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch nông thôn,...).

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, quy định “ Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt”. Ngày 20/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1770/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La tỉnh Quảng Bình đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000, trong đó, tại

Điều 2 giao UBND tỉnh “*tổ chức lập đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La tỉnh Quảng Bình đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000*”.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000 là đúng trình tự, thủ tục làm cơ sở để trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La tỉnh Quảng Bình đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000 với những nội dung điều chỉnh chủ yếu như sau:

- Điều chỉnh tổng thể, nâng cao quy mô, năng lực tiếp nhận tàu của cảng Hòn La và cảng Mũi Độc, bổ sung bến tàu khách quốc tế.
 - Cập nhật hướng tuyến, quy mô một số trục giao thông chủ yếu, trọng điểm đảm bảo tính tổng thể để thúc đẩy phát triển kinh tế và liên kết khu vực.
 - Bổ sung cầu mới bắc qua sông Ròn, bổ sung các khu neo đậu, cảng cá và hậu cần cảng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực hai bên sông Ròn.
 - Bố trí các điểm dịch vụ logistic nhằm khai thác lợi thế về vị trí địa lý và giao thông tại Khu kinh tế Hòn La, dọc hành lang quốc lộ 12A.
 - Đưa Đảo Yến và vùng nước xung quanh vào khu chức năng, phát triển thủy sản kết hợp du lịch khám phá, trải nghiệm.
 - Đề xuất lấn biển, tạo quỹ đất phát triển dịch vụ, du lịch tại khu vực Quảng Đông và Quảng Phú. Phát triển điện gió ngoài khơi theo chiến lược kinh tế biển.
 - Đối với đất quy hoạch công nghiệp: giảm diện tích khu vực phía Bắc (Quảng Đông) và tăng diện tích khu vực phía Nam (Quảng Tùng, Quảng Hưng): Các khu vực người dân đang sinh sống ổn định sẽ hạn chế di dời và đưa các khu vực còn quỹ đất có khả năng thuận lợi về GPMB để bổ sung vào quy hoạch.
- Các nội dung về: phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch, thời hạn lập quy hoạch, quan điểm, mục tiêu phát triển, tính chất quy hoạch, dự báo quy mô phát triển, Điều chỉnh định hướng quy hoạch chung xây dựng, định hướng chiến lược; các nguồn lực thực hiện, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch,... tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật, với các căn cứ quan trọng như: Luật Quy hoạch 2017; Quyết định số 1770/QĐ-TTg ngày 20/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La tỉnh Quảng Bình đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000; nội dung và chỉ tiêu chủ yếu đã được UBND tỉnh khẳng định trong Tờ trình là phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình đến 2030 tầm nhìn đến 2050 đang trình TTg phê duyệt; Quy hoạch cảng biển Việt Nam; Quy hoạch Nam Hà Tĩnh- Bắc Quảng Bình và phù hợp với chủ trương, chỉ đạo của Đảng, nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính khả thi và tiến độ thực hiện.

Vì vậy, Ban Kinh tế- Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua theo đề nghị của UBND tỉnh, đồng thời có thêm một số ý kiến như sau:

- Trong quá trình triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch cần nghiên cứu đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường đối với giải pháp lấn biển 102 ha để tạo quỹ đất phát triển dịch vụ, du lịch tại khu vực Quảng Đông và Quảng Phú để không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái trong khu vực, dòng chảy ven biển, cảnh quan tự nhiên ở các ghềnh đá.

- Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch điều chỉnh, quan tâm quy hoạch quản lý chất thải rắn, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, định hướng địa điểm tiếp nhận nguồn xả thải, đảm bảo đủ năng lực hoạt động trong dài hạn khi lấp đầy các khu công nghiệp và gia tăng quy mô dân số; tác động ảnh hưởng môi trường của các nhà máy, dự án công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp trong tương lai.

- Cập nhật quy hoạch xây dựng nông thôn mới của 6 xã huyện Quảng Trạch trong Đồ án quy hoạch khu kinh tế Hòn La điều chỉnh; đẩy nhanh tiến độ trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch điều chỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho các xã trong khu vực thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / 1/100

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Handwritten signature of Ngô Nữ Quỳnh Trang

Ngô Nữ Quỳnh Trang